TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 475/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 16/08/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán:: 1. Bà Nguyễn Hoàng Anh

2. Ông Phan Trịnh Minh Đức

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2022/TLPT-HNGĐ ngày 7/7/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 286/2022/HNGĐ-ST ngày 20/05/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4070/2022/QĐ-PT ngày 26/07/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Kim Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường L, Quận K, Thành phố H.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Phường L, Quận K, Thành phố H.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì:

Nguyên đơn ông Trần Kim Đ trình bày: Ông Đ và bà Nguyễn Thị Bích L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 216, quyển số 01/2008 tại Uỷ ban nhân dân phường 14, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 25/12/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống chung với gia đình nhà vợ từ năm 2008 đến năm 2012, thời gian này vợ chồng ông đã sống không hạnh phúc, ít quan tâm nhau. Năm 2013, vợ chồng sinh con nên chuyển ra sống riêng và cùng nhau chăm

sóc, nuôi dạy con tuy nhiên không còn hạnh phúc do tính tình không còn phù hợp với nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2015 ông đã đề cập đến chuyện ly hôn nhưng do con còn quá nhỏ nên vợ chồng vẫn tiếp tục sống chung với nhau để lo cho con. Ông bà cũng bất đồng quan điểm với nhau trong cách nuôi dạy con cái dẫn đến vợ chồng thường cãi vã, lớn tiếng với nhau. Bà L thường xuyên quát mắng con làm cho tình thần của ông rất mệt mỏi, căng thẳng. Mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không có sự động viên, chia sẻ với nhau mọi công việc. Từ năm 2013 đến nay ông Đ bà L không còn quan hệ tình cảm sinh lý vợ chồng với nhau. Ngoài ra trong cuộc sống vợ chồng còn nhiều mâu thuẫn nhưng đây là những mâu thuẫn tế nhị nên ông xin không trình bày. Nay ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà L, không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L để ông có thể ổn định cuộc sống.

Về con chung: ông và bà L có một con chung tên là Trần Nguyễn Như A(nữ), sinh ngày 04/02/2013. Ông giao trẻ Như Acho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con: hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết

Về nợ chung: Ông và bà L không có nợ ai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày:

Từ năm 2008 đến năm 2012 vợ chồng bà chung sống cùng gia đình cha mẹ của bà và rất hạnh phúc. Năm 2013 sinh con, vợ chồng chuyển ra sống riêng, vẫn yêu thương nhau, cùng nhau chăm sóc con cái. Từ năm 2013, bà đã nghi ngờ ông Đ có bệnh và có hỏi nhưng ông Đ không chịu nói. Năm 2017, bà phát hiện ông Đ thường xuyên uống thuốc giảm đau, bà có hỏi nhưng ông Đinh không nói là bị bệnh gì đồng thời cũng giấu hết bệnh án và không tâm sự gì với bà. Bà thừa nhận vợ chồng có bất đồng quan điểm trong việc dạy con cái nhưng đây không phải là mâu thuẫn lớn để vợ chồng ly hôn với nhau. Ngoài ra, vợ chồng bà không có mâu thuẫn gì khác. Từ năm 2019 do áp lực công việc và bà bị bệnh cường giáp nên đôi khi bà có nóng nảy, hay cằn nhằn vì bà cũng bị bệnh và đang điều trị bệnh nhưng từ năm 2019 đến nay ông Đ không hỏi han quan tâm đến bệnh của bà.

Hiện nay vợ chồng bà vẫn sống chung một nhà, vẫn ăn cơm chung, ngủ chung một phòng nhưng từ năm 2013 đến nay thì bà và ông Đ không còn quan hệ tình cảm sinh lý vợ chồng với nhau nguyên nhân là do bà bị bệnh. Lễ, tết vợ chồng bà vẫn cùng nhau về thăm gia đình nội, ngoại. Trong cuộc sống gia đình tất cả mọi việc trong nhà hầu hết một mình bà phải làm kể cả việc nuôi dạy con cái, ông Đ không phụ giúp bà công việc nhà vì vậy cuộc sống của bà cũng rất mệt mỏi, áp lực vì không nhận được sự giúp đỡ, chia sẻ từ chồng. Tuy nhiên, bà vẫn chấp nhận sống cuộc sống như vậy vì con của bà muốn sống cùng cha mẹ, bà chỉ cần con bà hạnh phúc thì bà chấp nhận tất cả. Bà vẫn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và không đồng ý ly hôn vì con của bà còn nhỏ.

Bà thống nhất về việc kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như trình bày trên của ông Đ.Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông Đ ly hôn với và thì bà đồng ý nuôi dưỡng trẻ Như An, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 286/2022/HNGĐ-ST ngày 20/05/2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Kim Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Kim Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích L.

2.Giao con chung là trẻ Trần Nguyễn Như Anh sinh ngày 04/02/2013 cho bà L nuôi dưỡng.Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về nợ chung: không có

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con chung sau khi ly hôn, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.Ngày 20/05/2022, bà L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Kim Đ có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích L trình bày: bà thừa nhận từ năm 2019 tính tính bà có nhiều thay đổi, hay nóng nảy, cằn nhằn có thể do bà bị bệnh lý tuyến giáp, phần do mình bà phải tự lo liệu mọi việc trong nhà, ông Đ không quan tâm, chia sẻ công việc gia đình với bà, thời gian này cả hai không sinh hoạt vợ chồng do bà không có cảm xúc; vợ chồng có mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con nhưng theo bà mâu thuẫn này không lớn và gần đây bà đã sửa đổi như lo chữa bệnh tuyến giáp để cải thiện sức khỏe, tính tình; trước kia mọi việc bà tự quyết định, nay bà có nói với ông Đ, bà cũng không ép con phải học theo ý mình nữa. Mặt khác bà và ông Đ vẫn đang sống chung một nhà, sau khi tòa sơ thẩm xét xử bà thấy con biểu hiện tâm lý không bình thường (có vẻ cáu gắt khi biết cha mẹ ly hôn), theo bà thì gia đình bà vẫn đang sống bình thường, trước kia ông Đ không nói chuyện với bà còn hiện nay thì bà và ông Đ có thể giao tiếp với nhau, bà thấy vợ chồng bà vẫn có thể hàn gắn được nên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý ly hôn với ông Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về việc kháng cáo của bị đơn: bà L nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định nên hợp lệ về hình thức; Về nội dung kháng cáo: ông Đ bà L có đăng ký kết hôn, được công nhận hôn nhân hợp pháp. Xét thấy vợ chồng bà L không có sự quan tâm chia sẻ nhau trong cuộc sống gia đình kể cả lúc cả hai đang bị bệnh, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con; ông Đ xác định không còn tình cảm với bà L, không tha thiết việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, cuộc sống chung không có hạnh phúc và vợ chồng bà L vi phạm nghĩa vụ vơ chồng được quy định trong Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên bản án sơ thẩm

xét xử cho ông Đ ly hôn bà L là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L và ông Đ chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Đ trình bày sau khi kết hôn đến năm 2012 vợ chồng ông đã sống không hạnh phúc, ít quan tâm nhau. Năm 2013 có con, vợ chồng ra riêng, không còn ở chung với gia đình bà L nhưng cuộc sống chung vẫn không có hạnh phúc do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con, tuy sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, không có sự chia sẻ, động viên lẫn nhau. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng ông không còn sinh hoạt vợ chồng với nhau, tình cảm không còn nên ông Đ cương quyết xin ly hôn bà L.

Theo bản án sơ thẩm thể hiện thì tại tòa sơ thẩm bà L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhau như ông Đ trình bày trên, bà và ông Đ không sinh hoạt vợ chồng với nhau từ năm 2013, ông Đ cũng không quan tâm chia sẻ mọi việc trong gia đình với bà nhưng vì con bà vẫn chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L lý giải việc bà có thời gian thay đổi tính tình do đang bị bệnh tuyến giáp, bà thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trong cách nuôi dạy con nhưng không đến mức trầm trọng, bà và ông Đ đang ở chung nhà, gia đình bà vẫn bình thường, thời gian vợ chồng không quan hệ từ 2019 do bà bị bệnh chứ không phải từ 2013 vì vậy bà không đồng ý ly hôn và có sửa đổi để hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của ông Đ, bà L trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện mâu thuẫn giữa ông Đ và bà L là có thật và kéo dài không giải quyết được, hai bên không có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ trong cuộc sống chung, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa bà L thừa nhận giữa bà và ông Đ có mâu thuẫn nhau nhưng không đến mức trầm trọng, nay gia đình bà vẫn sống bình thường, ông Đ cũng có quan tâm đến bà nhưng trước kia bà không biết điều đó; xét thấy lời trình bày của bà L có một số thay đổi so với trình bày trong bản án sơ thẩm, tuy nhiên bà L không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày trên của mình là có căn cứ, chứng minh tình trạng, quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông Đ đã được cải thiện; ông Đ xác định không còn tình cảm với bà L và dứt khoát xin ly hôn nên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đ là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý

kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nguyên đơn phải chịu, theo quy định pháp luật. Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 306 và Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bích L, giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 286/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 05 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Kim Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Kim Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích L.

2. Về con chung: giao con chung là trẻ Trần Nguyễn Như A(nữ), sinh ngày 04/02/2013 cho mẹ là bà Nguyễn Thị Bích L trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

2.Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ ông Trần Kim Đ phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0011686 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ bà Nguyễn Thị Bích L phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0012155 ngày 20/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 6;
- TAND Quận 6;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương